TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Lâm**

2/ Bà **Trần Thị Kim Đồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Mộng T**, sinh năm 1980. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Thanh H**, sinh năm 1984. (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/01/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Mộng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Thanh H thành hôn vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/6/2013. Thời gian chung sống được khoảng 09 năm. Trong thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cải do không hợp nhau, anh H hay ghen tuông nghi kỵ đối với chị và vợ chồng đã ly thân khoảng hơn 02 năm nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Huỳnh Thanh H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Yến N, sinh ngày 05/8/2013 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về thời gian thành hôn, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng sống cũng hạnh phúc, sau này sống không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, trước đây vợ anh cũng đã ly hôn 01 lần sau đó rút đơn khởi kiện, hiện vợ chồng vẫn còn sống chung với nhau. Anh vẫn còn tình cảm với vợ, xin được đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Yến N, sinh ngày 05/8/2013 hiện đang sống chung với gia đình. Nếu Toà án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì con chung anh xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Huỳnh Mộng T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Huỳnh Thanh H cư trú tại ấp C, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Huỳnh Mộng T và anh Huỳnh Thanh H thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63 vào ngày 14/6/2013 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T và anh H thời gian đầu sống rất hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm sống do anh H ghen tuông nghi kỵ đối với chị T và vợ chồng ly thân khoảng hơn 02 năm nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì. Sau khi Tòa án thụ lý đã tiến hành hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng chị T và anh H đều xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, chị T vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn, cương quyết xin ly hôn với anh H. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị T và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung tên Huỳnh Yến N, sinh ngày 05/8/2013 hiện đang sống với chị T, cuộc sống cũng đảm bảo và cháu Nhi cũng có nguyện vọng sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung tên Huỳnh Yến N, sinh ngày 05/8/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 21/3/2022. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là không đủ cơ sở chấp nhận như đã nhận định trên.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Mộng T và anh Huỳnh Thanh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Huỳnh Mộng T phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Huỳnh Thanh H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Mộng T. Xử cho chị T ly hôn với anh Huỳnh Thanh H.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Huỳnh Yến N, sinh ngày 05/8/2013 cho chị Huỳnh Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 21/3/2022. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Mộng T và anh Huỳnh Thanh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Huỳnh Mộng T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai thu số 0014250 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc anh Huỳnh Thanh H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 14/6/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An